

MẠNG LƯỚI THƯƠNG MẠI HÀNG HẢI Ở ĐÔNG NAM Á CỔ ĐẠI: MỘT GÓC NHÌN QUA LĂNG KÍNH KHẢO CỔ HỌC^(*)

NGUYỄN KHÁNH TRUNG KIÊN*
HSIAO-CHUN HUNG**

Qua nghiên cứu khảo cổ cho thấy một số loại hiện vật thuộc thời đại đồ sắt ở Nam Bộ có nguồn gốc du nhập từ các nhóm cư dân ở Đông Nam Á hải đảo. Điều này phản ánh sự trao đổi, giao thương hàng hóa và chia sẻ, học hỏi các kỹ thuật chế tác tiên tiến liên quan đến nhiều loại chất liệu khác nhau giữa các nhóm cư dân lục địa và hải đảo. Có thể thông qua mạng lưới thương mại, các cộng đồng trong khu vực tham gia hòa nhập vào các mạng lưới thương mại hàng hải rộng lớn hơn, kết nối các nền văn minh phương Đông và phương Tây, qua đó đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với các mặt hàng có giá trị. Bài viết cung cấp một góc nhìn đa chiều về bối cảnh lịch sử, góp phần làm sáng tỏ vai trò của thương mại hàng hải như một nền tảng cho những tiến bộ kinh tế - xã hội đáng chú ý ở Đông Nam Á.

Từ khóa: thời đại đồ sắt, thương mại hàng hải, Đông Sơn, Óc Eo, Phù Nam

Nhận bài ngày: 26/3/2025; *đưa vào biên tập:* 28/3/2025; *phản biện:* 12/4/2025; *duyet đăng:* 19/5/2025

1. GIỚI THIỆU

Thời đại đồ sắt ở Đông Nam Á bắt đầu vào khoảng 500 năm trước Công nguyên. Các phát hiện khảo cổ đã ghi nhận sự hình thành và phát triển của các mạng lưới thương mại hàng hải kết nối nhiều khu vực địa lý xa xôi, giữa các cộng đồng cư dân khác nhau. Trong bối cảnh đó, khu vực Đông Nam Á ngày nay đóng một phần vai trò quan trọng trong mạng lưới thương mại rộng lớn, kết nối nam Trung Quốc và đôi khi mở rộng xa hơn đến tận

Đông Bắc Á (như các lãnh thổ ngày nay là Hàn Quốc và Nhật Bản) ở phương Đông, cho đến Ấn Độ và đế chế La Mã ở phương Tây.

Sự hình thành những tuyến thương mại hàng hải sơ khai này đã kết nối các cộng đồng bản địa với các “thương nhân” phương xa thông qua các “hải cảng” sơ khai, được khảo cổ học phát hiện ở nhiều khu vực địa lý khác nhau. Trước thời đại đồ sắt ở Đông Nam Á, sự chuyển dịch giữa các vùng đất xa xôi chủ yếu diễn ra bởi quá trình “di dân” quy mô nhỏ tìm kiếm những vùng đất mới để định cư và chính từ những tiếp xúc đó hình thành nên những quan hệ giao lưu

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Đại học Quốc gia Úc (ANU).

văn hóa trước khi diễn ra các hoạt động thương mại. Từ sau mốc thời gian 500 năm trước Công nguyên, kỹ thuật đóng thuyền và đi biển đã có những tiến bộ hơn trước. Các cộng đồng ở Đông Nam Á bắt đầu có nhu cầu tìm kiếm và trao đổi các sản phẩm, sản vật từ các vùng đất xa xôi. Những loại “hàng hóa” được ưa thích vào thời bấy giờ bao gồm đồ đồng, đồ vàng, các loại trang sức thủy tinh nhiều màu, ngà voi, sừng tê giác, lụa, đồ gốm sứ, đá quý, gỗ thơm và gia vị.

Từ đó, thương mại bắt đầu trở thành động lực chính cho những hành trình vượt biển xa xôi, dài ngày và đôi khi đầy rủi ro và mạo hiểm. Thời đại đồ sắt đánh dấu giai đoạn cư dân cổ ở Đông Nam Á lục địa và hải đảo bắt đầu tham gia tích cực vào nền “kinh tế toàn cầu” kết nối hai lục địa Á - Âu bằng qua các đại dương. Với các tương tác liên khu vực ngày càng mạnh mẽ hơn, cư dân Đông Nam Á cổ đại với nhiều biến chuyển đáng kể trong đời sống, văn hóa, kinh tế và chính trị đã diễn ra qua việc tích lũy các yếu tố văn hóa, văn minh du nhập để làm phong phú hơn cho nền văn hóa truyền thống - bản địa.

Bài viết này tổng quan các kết quả nghiên cứu và khám phá mới trong những năm gần đây liên quan đến mạng lưới thương mại hàng hải trong thời đại đồ sắt ở Đông Nam Á và đặt chúng trong bối cảnh rộng lớn hơn của nền “kinh tế toàn cầu” thời bấy giờ. Bằng cách áp dụng phương pháp tiếp cận theo trình tự thời gian và sử

dụng các kết quả nghiên cứu trường hợp cụ thể, các tác giả muốn minh họa rõ hơn về động lực, vai trò và sự ảnh hưởng của các mạng lưới thương mại hàng hải cổ đại trong lịch sử Đông Nam Á qua lăng kính khảo cổ học.

2. SỰ LAN TỎA CỦA TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN ĐẾN CÁC HẢI ĐẢO

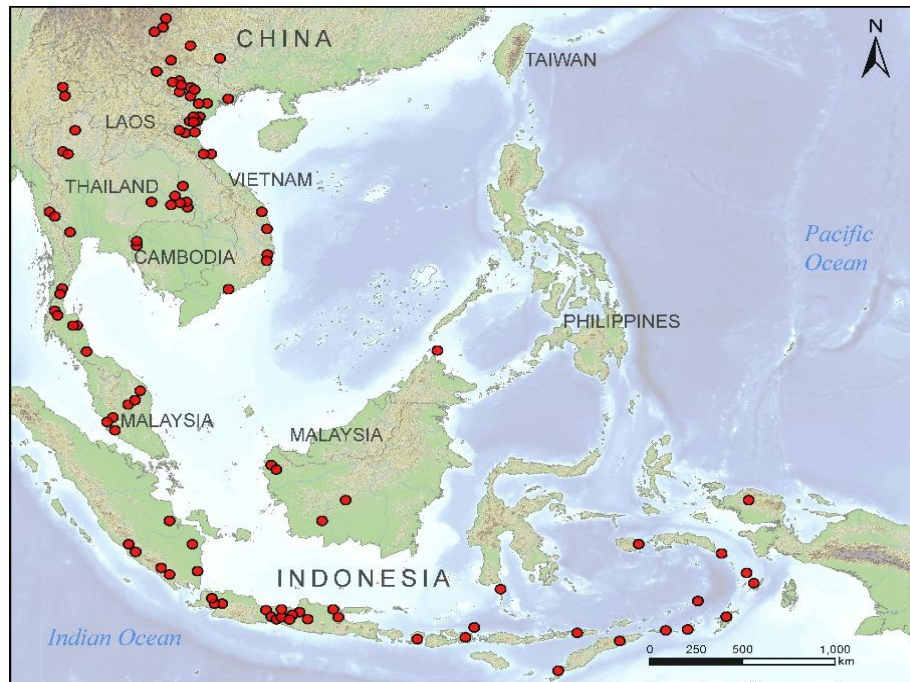
Văn hóa Đông Sơn, phân bố ở miền Bắc Việt Nam, đỉnh cao của thời đại đồ đồng và phát triển kéo dài qua thời đại đồ sắt, hình thành và phát triển mạnh mẽ từ khoảng năm 800 trước Công nguyên cho đến vài ba thế kỷ đầu Công nguyên. Văn hóa khảo cổ này vốn nổi tiếng với nghề thủ công luyện kim đúc đồng, bao gồm trống đồng, rìu có họng tra cán, mũi lao, giáo, dao găm, mũi tên, các loại vũ khí, vòng đeo tay và đồ trang sức được chế tác theo phương pháp đúc khuôn sáp (*cire perdue*). Đáng chú ý trong số các sản phẩm bằng đồng của văn hóa Đông Sơn chính là những chiếc trống đồng với kiểu dáng và đồ án trang trí độc đáo cũng như phạm vi phân bố rộng rãi trên nhiều vùng khác nhau.

Trống đồng Heger loại I trong hệ thống phân loại được đưa ra vào năm 1902 của nhà dân tộc học người Áo Franz Heger không chỉ phát hiện ở Việt Nam mà còn ở nhiều nơi khác như Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Miến Điện, Malaysia và Indonesia (Bernet Kempers, 1988; Spriggs và Miller, 1988; Nitta, 2005; Imamura, 2012; Calo, 2009/2014; Oliveira *et al.*, 2019). Trống đồng được tìm thấy ở nhiều nơi cho thấy mức độ tương tác và tầm

ảnh hưởng của văn hóa Đông Sơn đã từng diễn ra mạnh mẽ không chỉ ở Đông Nam Á lục địa mà còn lan xa đến hải đảo vào giai đoạn này (Hình 1). Tuy nhiên, ở thế giới hải đảo, trống đồng dù có xuất hiện nhưng chúng cũng chỉ là những vật phẩm rất hiếm ở Borneo (Indonesia) và hầu như

chưa có chiếc nào được tìm thấy ở Philippines hoặc Đài Loan. Trong phạm vi quần đảo Indonesia, không gian phân bố chính của những chiếc trống đồng Đông Sơn cũng chỉ giới hạn ở khu vực quần đảo Sunda và chuỗi đảo Sunda Nhỏ (Lesser Sunda Island).

Hình 1. Bản đồ phân bố của trống đồng Đông Sơn ở Nam Trung Quốc và Đông Nam Á



Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ Calo 2009, Oliveira *et al.* 2019.

Phần lớn những chiếc trống đồng được phát hiện ở Đông Nam Á lục địa và Indonesia có lẽ được chế tác ở miền Bắc Việt Nam, thuộc vùng lõi của văn hóa Đông Sơn. Khả năng từ đó chúng đã lan tỏa tới những vùng đất xa xôi này qua hoạt động thương mại. Trống đồng Heger loại I trong thực tế được sử dụng với nhiều chức năng khác nhau, qua ghi nhận trên khắp miền Nam Trung Quốc và Đông Nam Á, được Bernet Kempers (1988)

đề cập trong nghiên cứu của mình. Chúng không chỉ là một loại nhạc khí mà đôi khi còn được dùng làm nắp đậy bên trên quan tài chum gỗ như phát hiện ở Phú Chánh (Việt Nam) (Hình 2) và dùng làm quan tài trong nghi thức chôn cất người chết ở Indonesia, như được phát hiện tại di chỉ Plawangan ở bờ biển phía bắc Java (Bùi Chí Hoàng, 2008; Prasetyo 1994/1995: 39,41). Ngoài ra, có thể tìm thấy hình ảnh trống đồng trên

những bức họa trên vách đá (Rock Art) như Cảnh quan văn hóa nghệ thuật trên đá Hoa Sơn Tả Giang ở Quảng Tây (Trung Quốc) mô tả một cách sống động việc sử dụng trống đồng trong các sự kiện sinh hoạt cộng đồng, niên đại từ khoảng thế kỷ thứ V trước Công nguyên đến thế kỷ thứ II.

Hình 2. Trống đồng Đông Sơn tại di tích Phú Chánh (Bình Dương, Việt Nam)



Nguồn: Bùi Chí Hoàng 2017.

Như đã đề cập ở trên, phạm vi tìm thấy trống đồng Đông Sơn đã lan rộng đến khu vực phía tây của quần đảo New Guinea và các đảo lân cận. Thậm chí xa hơn về phía đông, với một mảnh đồng nhỏ đã được tìm thấy từ đảo Lou ở quần đảo Admiralty và có liên quan đến hiện vật thuộc văn hóa Đông Sơn (Ambrose, 1988). Các cuộc khai quật đã tìm thấy rìu có hòng tra cán và các đồ vật bằng kim loại khác trên các đảo ở địa điểm Hồ Sentani, thuộc đảo Papua của Indonesia (De Bruyn, 1959; Newton, 1988). Những hiện vật này chính là những minh họa sống động cho sự ảnh hưởng và lan tỏa của văn hóa thời kim khí từ Đông Nam Á lục địa đến hải đảo qua thương mại hàng hải.

3. SỰ DU NHẬP CỦA NGỌC NEPHRITE ĐÀI LOAN VÀ MICA XANH PHILIPPINES

Đồng thời với sự lan tỏa của trống đồng Đông Sơn từ lục địa đến nhiều nơi thuộc Đông Nam Á hải đảo, còn có một mạng lưới giao thương và tương tác xuyên Biển Đông (Việt Nam) đã được một số học giả gọi là “phức hợp Sa Huỳnh - Kalanay” với niên đại vào khoảng 500 năm trước Công nguyên và kéo dài cho đến khoảng năm 100 Công nguyên⁽¹⁾. Trong đó, thành tố “Sa Huỳnh” của phức hợp này được dùng để mô tả các địa điểm khảo cổ phân bố ven biển Trung Bộ Việt Nam. Chủ nhân của nó có thể liên quan đến các nhóm dân cư nói ngôn ngữ Nam Đảo (Austronesian) sinh sống vào thời đại đồ sắt. Trong khi thành tố “Kalanay” được dùng để đề cập đến các địa điểm khảo cổ thời kỳ đồ sắt phát hiện ở đảo Masbate (miền Trung Philippines), cũng liên quan đến các nhóm cư dân nói ngôn ngữ Nam Đảo. Xét về đại thể, phạm vi địa lý của mạng lưới những tương tác văn hóa này bao gồm nhiều cộng đồng cư dân cổ sinh sống quanh khu vực Biển Đông, không chỉ ở Việt Nam và Philippines mà còn ở đảo Đài Loan, bán đảo Thái - Mã Lai và Indonesia. Phức hợp Sa Huỳnh - Kalanay này đặc trưng bởi sự xuất hiện của các loại đồ gốm sinh hoạt và hiện vật đất nung tương tự nhau về loại hình, kiểu dáng hay cả đến táng thức với các quan tài được sử dụng từ các chum

vỏ hay bình gốm lớn cùng với các đồ tùy táng là vật dụng gốm sinh hoạt, các đồ trang sức bao gồm các chuỗi hạt, vật đeo cổ, khuyên tai (hai đầu thú, ba mấu) được chế tác từ các vật liệu như thủy tinh, mã não và đá ngọc nephrite (Hung *et al.*, 2007/2013; Yamagata *et al.*, 2012; Favereau và Bellina, 2016). Một chiếc bình gốm với cổ cao và trên thân trang trí hình nổi khối 8 bầu ngực dưới dạng tả thực, được tìm thấy trong cuộc khai quật di tích Hòa Diêm (Khánh Hòa, Việt Nam) năm 2010 (Hình 3) cùng các loại đồ gốm tùy táng khác rất tương đồng về kiểu dáng và đồ án trang trí với những bình gốm tìm thấy tại miền Trung Philippines. Một điểm độc đáo khác chính là vĩ độ của hai vị trí nơi tìm thấy những bình gốm nói trên (Hòa Diêm và đảo Masbate) gần

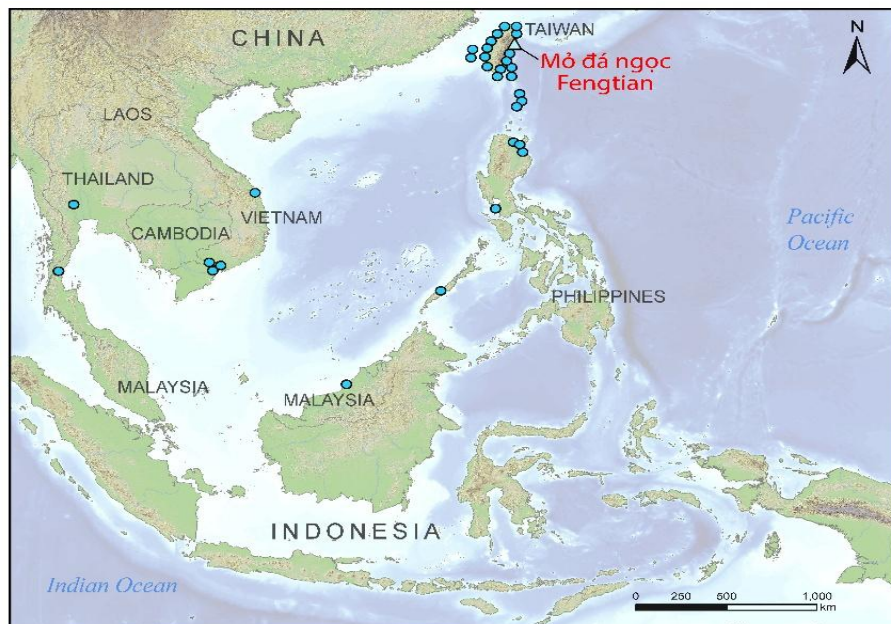
như ngang nhau (khoảng 11-12 độ vĩ Bắc). Điều này gợi hướng cho khả năng những thủy thủ khi xưa từng giông thuyền băng ngang Biển Đông theo chiều Đông - Tây (định tuyến theo hướng di chuyển của mặt trời) bên cạnh một luồng di chuyển an toàn hơn, từ đảo này sang đảo kia vòng về phía Nam để đến Nam Bộ rồi từ đó trở ngược lên miền Trung Việt Nam, thay vì hải trình băng ngang Biển Đông.

Hình 3. Bình gốm di tích Hòa Diêm (Khánh Hòa, Việt Nam) và miền Trung Philippines



Nguồn: Nguyễn Khánh Trung Kiên.

Hình 4. Vị trí mỏ đá Fengtian (Đài Loan) và các địa điểm ghi nhận hiện vật bằng đá ngọc nephrite ở Đông Nam Á



Nguồn: Nhóm tác giả.

Nhiều hiện vật khảo cổ qua phân tích thành phần nguyên liệu có thể truy nguyên nguồn gốc khai thác từ các nguồn mỏ cụ thể cũng như các xưởng chế tác hay sơ chế. Sự xuất hiện của các hiện vật có độ tương đồng cao này cũng trùng hợp với phạm vi phân bố của các nhóm cư dân nói ngôn ngữ Mã Lai - Đa Đảo (Malayo - Polynesian).

Điều làm cho mạng lưới buôn bán đá ngọc nephrite Đài Loan nổi bật chính là phạm vi phân bố rộng lớn của nó, trải dài từ đảo Đài Loan đến Philippines, Borneo, Nam Bộ Việt Nam và cuối cùng đến bán đảo Thái - Mã Lai (Hình 4). Sự phân bố của đá ngọc nephrite Đài Loan ở Đông Nam Á có liên quan chặt chẽ đến quá trình lan tỏa của các nhóm cư dân nói ngôn ngữ Nam Đảo thời tiền sử.

Năm 2023 - 2024, cuộc khai quật tại di tích Gò Đất Nại và Kim Long (Bà Rịa - Vũng Tàu) đã xuất lộ các khu di tích mộ táng, với táng thức quan tài bằng chum vò gốm. Bên cạnh những vật dụng nguồn gốc tại chỗ còn tìm thấy nhiều hiện vật có nguồn gốc trao đổi với bên ngoài. Tại Kim Long, tìm thấy các hạt chuỗi dài, mặt cắt hình vuông, khuyên tai ba mút bằng đá ngọc nephrite, tương đồng về kiểu dáng và chất liệu với những hiện vật trang sức khai quật tại di tích Beinan (Đài Đông, Đài Loan). Ngoài ra, có một hạt chuỗi nhỏ khả năng từ nguồn đá mica xanh của miền Trung Philippines cũng được tìm thấy trong mộ chum - vò ở di tích Kim Long⁽²⁾. Hai di tích

Gò Đất Nại và Kim Long được những người khai quật ước định niên đại tương đối vào khoảng 2.500 - 2.200 năm cách ngày nay⁽³⁾. Các trao đổi, tương tác văn hóa với thế giới của cư dân cổ vùng đất này đã được ghi nhận trước đây ở khu vực vịnh Gành Rái với các di tích Giồng Phệt, Giồng Cá Vồ (Cần Giờ, TPHCM) và Giồng Lớn (Long Sơn, Bà Rịa - Vũng Tàu) qua một số nghiên cứu (Truong Dac Chien, 2020). Tuy nhiên, với sự lan tỏa của những đồ trang sức bằng chất liệu đá ngọc nephrite Đài Loan vào sâu nội địa khoảng 50km như phát hiện gần đây tại di tích Kim Long là một minh chứng cho nhu cầu tiêu thụ loại trang sức độc đáo này của cư dân Đông Nam Bộ thời đại đồ sắt cũng như sự vận hành mạnh mẽ của mạng lưới thương mại hàng hải thời bấy giờ (Hình 5).

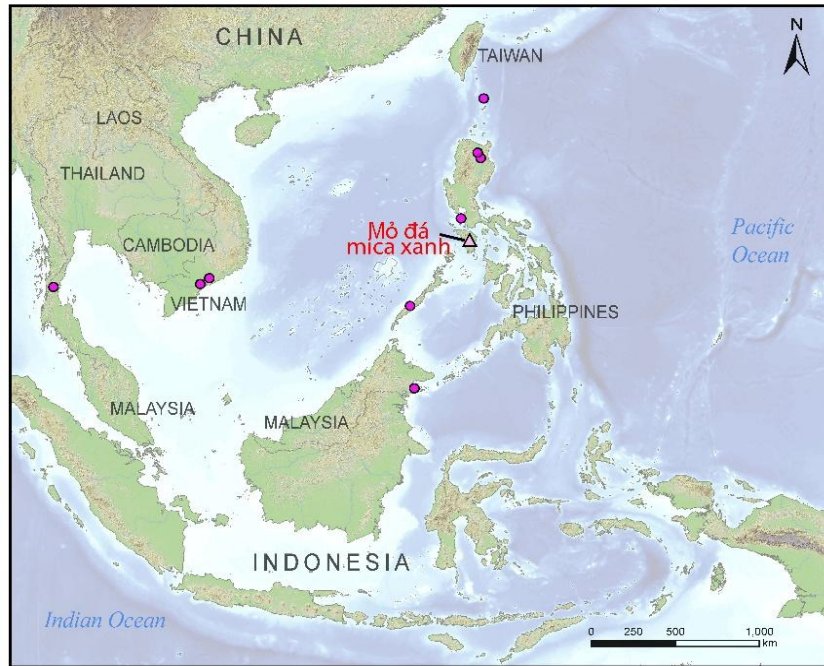
Hình 5. Đồ trang sức bằng đá ngọc Nephrite phát hiện tại các di tích ở Đông Nam Bộ



1-5: di tích Phú Hòa (Đồng Nai)
6-7: di tích Suối Chồn (Đồng Nai)
8-9: di tích Kim Long (Bà Rịa - Vũng Tàu)

Nguồn: Bùi Chí Hoàng, 2018 và Nguyễn Khánh Trung Kiên bổ sung.

Hình 6. Vị trí nguồn đá ở Mindoro (Philippines) và sự phân bố của hiện vật từ đá mica xanh ở Đông Nam Á

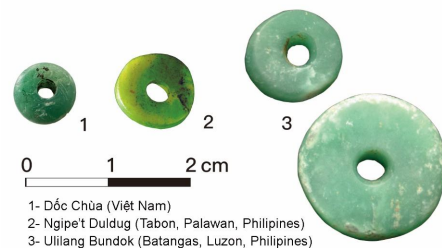


Nguồn: Nhóm tác giả.

Một loại nguyên liệu khác cũng mang tính chỉ dấu nguồn gốc chính là đá mica xanh của Philippines. Loại đá mica xanh này với nguồn khai thác chính hiện biết có thể từ đảo Mindoro ở miền Trung Philippines. Sự phân bố của đồ trang sức làm bằng đá mica xanh tìm thấy trong các di tích khảo cổ ở Đông Nam Á có mối liên hệ chặt chẽ với sự phân bố của đá ngọc Đài Loan, trải dài trên một phạm vi rộng lớn từ phía bắc cho đến phía nam Philippines, lan đến Borneo (Indonesia) và mở rộng về phía tây đến Việt Nam và bán đảo Thái - Mã Lai ở Đông Nam Á lục địa (Hình 6). Trong cuộc khai quật năm 2018 tại di tích Dốc Chùa (Bình Dương) đã tìm thấy một hạt cườm bằng loại đá mica xanh trong lớp văn hóa được định

tuổi ^{14}C khoảng 2.500 năm cách ngày nay. Hạt cườm này có kích thước, chất liệu và kỹ thuật chế tác tương tự những hiện vật ở các di tích hang động Ngipe't Duldug, Ulilang Bundok (Philippines) và giống về chất liệu với phát hiện tại Khao Sam Kaeo (Thái Lan) nơi loại đá mica xanh này được dùng để làm khuyên tai ba mẫu⁽⁴⁾ (Hình 7).

Hình 7. Đồ trang sức bằng đá mica xanh phát hiện ở Đông Nam Á



1- Dốc Chùa (Việt Nam)
2- Ngipe't Duldug (Tabon, Palawan, Philippines)
3- Ulilang Bundok (Batangas, Luzon, Philippines)

Nguồn: Nhóm tác giả.

Hạt cườm được tìm thấy tại Dốc Chùa nói trên rất có thể đã được nhập khẩu dưới dạng thành phẩm. Tuy nhiên, tại một số di tích ở Đông Nam Á lục địa, chẳng hạn như Giồng Cá Vồ ở Cần Giờ, TPHCM (Việt Nam) và Khao Sam Kaeo ở Thái Lan, đã phát hiện các phế phẩm và sản phẩm chưa hoàn thiện liên quan đến quá trình chế tác. Điều này cho thấy loại đá mica xanh này có thể cũng đã được trao đổi dưới dạng nguyên liệu đến nhiều địa điểm khác nhau để phục vụ cho việc chế tác tại chỗ.

Dựa trên những phát hiện về hiện vật làm từ đá ngọc nephrite Đài Loan và mica xanh Philipines được khai quật ở Đông Nam Á, cho thấy chúng đã đến được những nơi này với nhiều hình thức khác nhau, từ việc vận chuyển đá nguyên liệu, bán thành phẩm hay các sản phẩm hoàn chỉnh. Trong đó, bao gồm sự “di cư” của con người, có thể bao gồm cả thợ thủ công chuyên chế tác đồ ngọc hoặc các “thương nhân”. Sự lan tỏa các loại nguyên liệu này từ các hải đảo về phía Đông Nam Á lục địa có thể đã bắt đầu từ khoảng 2.400 năm trước. Sau đó, các loại hàng hóa mang tính chất thương mại như hạt thủy tinh và hạt chuỗi đá mã não, cũng như các kỹ thuật chế tác liên quan như luyện kim đúc đồng và rèn sắt nhanh chóng đi theo con đường này theo chiều ngược lại từ lục địa (miền Nam Việt Nam) về phía đông đến Philippines và vòng lên phía bắc đến đảo Đài Loan. Các hoạt động thương mại này

đánh dấu sự khởi đầu và phát triển nhanh chóng của thời đại kim khí trong khu vực.

4. TÀU THUYỀN

Với sự xuất hiện của đồ sắt vào khoảng 500 năm trước Công nguyên, kỹ thuật đóng thuyền đã phát triển nhanh chóng. Theo các tài liệu lịch sử và các bằng chứng khảo cổ cho thấy những chiếc thuyền được chế tạo trong giai đoạn này đã phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau, bao gồm vận chuyển hành khách, hàng hóa và quân đội. Vào khoảng năm 200 - 300 Công nguyên, đã có ghi chép về những con tàu có thể chở đến 600 - 700 người, hoặc 80 con ngựa cùng với người (Wang, 2001).

Bên cạnh những chiếc thuyền độc mộc đơn giản và các loại bè kết bằng tre nứa, loại “thuyền khâu” (sewn boat) theo truyền thống ván khâu và cột dây (stitched-plank and lashed-lug) có thể đã đóng vai trò quan trọng trong giao thương đường dài, đặc biệt là tại khu vực phía tây của Đông Nam Á trong thời kỳ đồ sắt. Phát hiện khảo cổ sớm nhất về loại thuyền dạng này ở Đông Nam Á được ghi nhận tại địa điểm Pontian, bang Pahang, bờ đông bán đảo Mã Lai vào năm 1926 (Evans, 1927). Thuyền này có niên đại khoảng năm 260 - 430 Công nguyên, làm từ các tấm ván dài 6 mét, được buộc lại với nhau bằng dây làm từ cây thốt nốt (Booth, 1984; Manguin, 2019). Các di tích của những con thuyền khâu khác cũng đã được phát hiện tại nhiều địa điểm ở

Thái Lan, Việt Nam, Philippines và Indonesia, có niên đại từ thế kỷ III và tiếp tục tồn tại cho đến ngày nay. Truyền thống thuyền khâu ở Đông Nam Á đã phát triển qua nhiều thế kỷ, có thể bắt nguồn từ kỹ thuật “ván khâu và gờ buộc dây” ban đầu, rồi chuyển sang kỹ thuật “cột dây cài tiến” (ván được ghép bằng chốt và mộng khóa, cố định dọc theo khung gờ buộc dây) (Manguin, 2019). Một số thuyền khâu kích thước lớn có chiều dài lên đến 50 mét, được trang bị cột buồm và buồm, có thể chở hàng trăm hành khách và tải trọng 300 tấn hàng hóa từng sử dụng trên các vùng biển Đông Nam Á (Manguin, 2012).

Kỹ thuật và tri thức đóng thuyền đã được trao đổi thông qua các hoạt động hàng hải diễn ra thường xuyên, phản ánh qua các phát hiện thuyền độc mộc được bảo quản tốt, có lỗ buộc để gắn thêm ván thành thuyền, tại một số vùng ngập nước như Động Xá (Hưng Yên), Yên Bắc (Hà Nam) và những nơi khác ở miền Bắc Việt Nam (Bellwood và Cameron, 2007). Một số thuyền sử dụng kỹ thuật ghép ván bằng các mộng khóa (mortise and tenon) đã được định tuổi bằng phương pháp ^{14}C trực tiếp trên gỗ, với kết quả nằm trong khoảng từ năm 400 trước Công nguyên đến năm 200 Công nguyên. Kỹ thuật đặc biệt này cũng đã được ghi nhận tại nhiều địa điểm ở khu vực Địa Trung Hải và Ai Cập, có niên đại từ khoảng năm 2000 trước Công nguyên (thời kỳ Trung

Vương quốc ở Ai Cập) kéo dài cho đến thời La Mã và Byzantine. Cho đến nay, việc chia sẻ kỹ thuật đóng thuyền đầy ấn tượng này đã được ghi nhận từ La Mã đến miền Bắc Việt Nam, như đã đề cập ở trên, và thậm chí lan xa tới tận Trường An (nay là Tây An, tỉnh Thiểm Tây) ở miền Bắc Trung Quốc (Institute of Archaeology in Shanxi, 2015).

Tại khu di tích Óc Eo - Ba Thê, dù chưa tìm thấy di tích tàu thuyền nhưng một số mái chèo đã được tìm thấy với ít nhất hai loại (loại nhọn dài và loại bản rộng hình lá đề). Qua những chiếc mái chèo bản rộng, mũi nhọn hình lá đề được tìm thấy chìm ở đáy dòng kênh cổ Lung Lớn được Nguyễn Khánh Trung Kiên (2024a) cho rằng tương đồng kiểu dáng với những mái chèo của cư dân Papua New Guinea hay hải đảo sử dụng. Phần bản mái chèo và cán được gắn kết bằng kỹ thuật khoan lỗ cột dây. Đây chính là kỹ thuật tương tự với nhiều phát hiện tàu thuyền ở Đông Nam Á. Tuổi của mái chèo này được xác định vào năm 120 - 226 Công nguyên (Nguyễn Khánh Trung Kiên và nnk, 2022). Trên bình diện rộng hơn ở đồng bằng Nam Bộ, tại khu di tích Gò Tháp (Đồng Tháp) đã phát hiện “mũi thuyền” của loại thuyền đi biển, trong một khu vực có nhiều vết tích hoạt động chế tác gỗ, được những người khai quật cho là xưởng đóng thuyền (Đặng Văn Thắng và Hà Thị Sương, 2017). Dù các phát hiện liên quan đến tàu

thuyền chưa nhiều trong các di tích thuộc văn hóa Óc Eo nhưng đó là những bằng chứng cho thấy đời sống người dân liên quan mật thiết môi trường sông nước và các kết nối với hệ thống thương mại hàng hải thời bấy giờ.

5. THƯƠNG MẠI HÀNG HẢI ĐẦU CÔNG NGUYÊN Ở NAM BỘ VIỆT NAM

Sau vài thế kỷ tồn tại và phát triển, “Phức hệ văn hóa Sa Huỳnh - Kalanay” kết thúc vai trò của nó, vương quốc Champa được hình thành ở vùng ven biển miền Trung Việt Nam vào năm 192 sau Công nguyên. Giai đoạn đó người Chăm đã có nhiều hoạt động rất tích cực trong thương mại hàng hải khu vực này, họ đã cùng góp phần xây dựng trên các tuyến thương mại và quan hệ giao lưu văn hóa diễn ra giữa không gian văn hóa Sa Huỳnh và Kalanay (Bellwood, 2007: 272).

Tuy nhiên, trong những thế kỷ đầu Công nguyên, còn có một mạng lưới thương mại lớn khác ở Đông Nam Á liên quan đến nhà nước cổ đại Phù Nam đã hình thành ở đồng bằng Nam Bộ Việt Nam. Nhà nghiên cứu Miriam Stark (2015) cho rằng theo thư tịch cổ Trung Quốc, nhà nước Phù Nam (thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ VII) khả năng nằm ở đồng bằng hạ lưu sông Mekong. Với vị trí này, nó có thể kiểm soát bán đảo Thái - Mã Lai và đặc biệt là các tuyến vận chuyển hàng hóa trên bộ bằng qua eo đất hẹp Kra nơi miền Nam Thái

Lan với hai khu di tích khảo cổ học lớn đã được xác định là: Óc Eo - Ba Thê (Việt Nam) và Angkor Borei (Campuchia).

Khu di tích Óc Eo - Ba Thê nằm ở đồng bằng sông Cửu Long, thuộc Nam Bộ Việt Nam, từng là một trung tâm thương mại, đô thị quan trọng án ngữ con đường từ biển vào nội địa của Phù Nam. Các nghiên cứu mới cho thấy Óc Eo - Ba Thê nằm ở vị trí chiến lược trên các tuyến đường thương mại hàng hải quốc tế thời bấy giờ. Vị trí này hiện cách bờ biển khoảng 25km (và trong thời đại của nó chắc chắn gần hơn nữa), nằm trong một mạng lưới kênh rạch cổ đại kết nối nhiều khu cư trú của cư dân văn hóa Óc Eo đương thời ở đồng bằng Nam Bộ. Niên đại ^{14}C của hàng trăm mẫu than, gỗ đã tiến hành gần đây qua nhiều chương trình nghiên cứu tại khu di tích Óc Eo - Ba Thê cho thấy cư dân đã định cư và phát triển đô thị cổ này từ khoảng thế kỷ I cho đến thế kỷ VIII, sau đó mất dần vai trò của một đô thị vận hành bằng kinh tế nông nghiệp và thương mại hàng hải (Nguyễn Khánh Trung Kiên và nnk 2022/2024b).

Những vết tích của đô thị cổ này đã dần được hé lộ qua những di tích để lại trong lòng đất cùng với những hiện vật chế tác tinh xảo được cho là sản phẩm thương mại, có nguồn gốc từ đế chế La Mã, Trung Đông, Ấn Độ, Thái Lan, miền Bắc Việt Nam, Trung Quốc và nhiều khu vực khác nhau đương thời (Malleret 1959-1963; Bùi

Minh Trí và nnk, 2022). Trong số các hiện vật tìm thấy ở Ốc Eo - Ba Thê, có thể kể đến những kiệt tác tinh xảo như những hạt chuỗi thủy tinh, hạt chuỗi vàng bọc thủy tinh, và đồ trang sức bằng vàng và đá quý (Malleret 1962 tập XLIII: PL.XIV; Bennett, 2009; Bùi Chí Hoàng chủ biên, 2018; Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2020, Nguyễn Kim Dung và nnk, 2020). Những đồ trang sức tương tự cũng đã tìm thấy tại các địa điểm khảo cổ ở Indonesia, được các nhà nghiên cứu cho rằng là những mặt hàng nhập khẩu từ phương xa (Malleret, 1962: 27; Miksic, 1991; Manguin và Indradjaja, 2011; Calo *et al.*, 2020). Những hạt chuỗi thủy tinh La Mã được ghi nhận ở di tích Ốc Eo - Ba Thê cũng tìm thấy tại hai di tích Sembiran và Pangkung Paruk ở Indonesia. Loại hình hạt chuỗi thủy tinh bọc vàng tìm thấy nơi này cho thấy kỹ thuật chế tác điển hình của người La Mã cổ đại và người ta cho rằng chúng được chế tác ở Ai Cập trong khoảng thời gian 400 năm đầu Công nguyên (Gede, 2009; Calo *et al.*, 2015, 2020).

Xét trên cùng bình tuyến thời gian này, một trong những mặt hàng có lợi nhuận cao nhất có thể kể đến chính là gia vị, từ những loài cây bản địa, phổ biến ở nhiều khu vực cho đến một số loại gia vị đặc hữu vốn chỉ sinh trưởng ở miền Đông Indonesia. Các thương nhân thời bấy giờ nhận ra rằng Indonesia là quê hương của các loại gia vị quý, đặc

biệt là đinh hương và hạt nhục đậu khấu có nguồn gốc từ quần đảo Moluccas.

Các tài liệu ghi chép sớm nhất về thương mại hàng hải giữa Trung Quốc và Đông Nam Á, được cho là của nhà Hán (206 trước Công nguyên đến năm 220 AD), có đề cập đến các loại gia vị được thu hoạch ở Đông Nam Á và buôn bán đến Trung Quốc. Đinh hương vốn có nguồn gốc từ các đảo nhỏ ngoài khơi bờ biển phía tây Halmahera, ở phía bắc Moluccas, đã được người Trung Quốc cổ đại sử dụng vào thời nhà Hán (Miller, 1969; Andaya 1993; Brierley, 1994). Đinh hương sớm trở thành vật phẩm biểu tượng của thứ hạng xã hội ở Trung Quốc cổ đại. Các tài liệu tham khảo về hạt nhục đậu khấu, có nguồn gốc từ quần đảo Banda ở trung tâm quần đảo Moluccas, từng xuất hiện trong các ghi chép của thư tịch cổ Trung Quốc muộn hơn đôi chút, vào khoảng thời gian của triều đại Nam Bắc Ngụy - Tấn (khoảng năm 220 - 589 Công nguyên). Các ghi chép của Ấn Độ cũng đề cập đến đinh hương, được nhập khẩu từ Indonesia, trước thế kỷ thứ I (Swadling, 1996). Sử thi Ấn Độ - Ramayana - cho rằng đinh hương hỗ trợ tiêu hóa và có thể nhai với trà cau (Brierley, 1994: 17). Hơn nữa, đinh hương lại tiếp tục được buôn bán từ Ấn Độ đến những vùng đất xa hơn, bao gồm Trung Á và Đế chế La Mã. Đinh hương Indonesia được đánh giá có chất lượng cao

nhất theo như nhà lịch sử tự nhiên - thời La Mã - Pliny Già (Pliny the Elder) đã đề cập vào năm 70 Công nguyên (Swadling, 1996). Đinh hương cũng đã được buôn bán vào Đông Phi trước năm 100 Công nguyên và những thương nhân ở Đông Phi đã tiếp tục mang đinh hương buôn bán vào xứ Ai Cập (Brierley, 1994).

Gần đây, nghiên cứu về các di tồn thực vật trên các dụng cụ nghiền và cối đá ở Óc Eo - Ba Thê đã chỉ ra rằng cư dân đã sử dụng các loại gia vị từ một số loài bản địa ở Nam Á và Đông Nam Á, bao gồm nghệ, gừng, riềng, gừng cát, đinh hương, nhục đậu khấu và quế. Tất cả các loại gia vị này đều có thể được sử dụng làm nguyên liệu để làm cà-ri và một số loại, chẳng hạn như quế, nhục đậu khấu và đinh hương, có thể đã được nhập khẩu vào Óc Eo từ các địa điểm xa xôi ở Nam Á và miền đông Indonesia (Wang *et al.*, 2023). Những phát hiện này bao gồm bằng chứng sớm nhất về đinh hương và nhục đậu khấu ở Đông Nam Á lục địa, làm nổi bật ảnh hưởng của hoạt động thương mại với Quần đảo Moluccas ở miền đông Indonesia. Hơn nữa, khi xem xét nhiều bằng chứng, đặc biệt là các loại gia vị mới được phát hiện, chẳng hạn như quế và nghệ và mối liên hệ của chúng với các công cụ chế biến theo phong cách Ấn Độ, có thể gia vị và cách thức chế biến món cà-ri đã đến Đông Nam Á cùng với các thương nhân và người di cư Nam Á khi các mối giao lưu văn hóa, quan

hệ thương mại phát triển mạnh vào các thế kỷ đầu Công nguyên.

Thương mại gia vị toàn cầu, cùng với thương mại các hàng hóa quý giá khác, các nền văn hóa và hệ thống kinh tế kết nối ở Châu Á, Châu Phi và Châu Âu kể từ thời cổ đại. Những phát hiện này cung cấp bằng chứng trực tiếp về các thành phố cảng cổ đại như Óc Eo tham gia vào hoạt động thương mại này, nơi duy trì mối liên hệ với Trung Quốc ở phía bắc, Philippines và Đài Loan ở phía đông, Indonesia ở phía nam và xa hơn về phía tây với tiểu lục địa Ấn Độ, và xa hơn nữa là với thế giới Địa Trung Hải.

6. ĐÔNG NAM Á TRONG CÁC QUAN HỆ THƯƠNG MẠI HÀNG HẢI

Đế chế Trung Quốc cổ đại, đặc biệt là thời nhà Hán, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các mối quan hệ thương mại đường dài với khu vực Đông Nam Á. Các phát hiện khảo cổ cho thấy các sản phẩm từ thời Hán đã được phân bố rộng khắp Đông Nam Á, từ lục địa ra đến hải đảo với ít nhất 59 chiếc gương đồng thời nhà Hán đã được ghi nhận tìm thấy trong các di tích khảo cổ ở Việt Nam, Thái Lan và Indonesia (Fu, 2021) (Hình 8). Tại Bali, có hai chiếc gương đồng từ thời Đông Hán và Ngụy - Tấn đã được tìm thấy tại Pangkung Paruk (Ardika, 2016; Calo *et al.*, 2020). Đây chính là những minh họa rõ nét cho mối quan hệ thương mại giữa Trung Quốc và Đông Nam Á thời bấy giờ. Những chiếc gương đồng này có nguồn gốc chế tác ở miền Nam

Trung Quốc hoặc miền Bắc Việt Nam Quảng Đông và Việt Nam từ khoảng
trong thời kỳ nhà Hán chiếm đóng thế kỷ thứ II trước Công nguyên trở đi.

Hình 8. Không gian phân bố của gương đồng thời Hán (Trung Quốc) ở Đông Nam Á



Nguồn: nhóm tác giả tổng hợp từ công bố của Fu Xia, 2021.

Trong thời nhà Hán, Phiên Ngung (Quảng Đông) và Hợp Phố (Quảng Tây) là hai trong số những cảng thị cổ quan trọng nhất trong mạng lưới thương mại hàng hải thời đó. Các cuộc khai quật tại các cảng cổ này đã thu thập số lượng lớn các loại hạt chuỗi, đồ trang sức và các mặt hàng quý hiếm như: hạt mã não, hạt carnelian, hạt chuỗi đá carnelian khắc acid, hạt đá garnet, hạt beryl, hạt hổ phách, hạt chuỗi sứ tráng men, hạt chuỗi thủy tinh Indo-Pacific, các hạt chuỗi thủy tinh khảm, hạt chuỗi vàng, thủy tinh vàng-bạc, hạt cườm, hạt chuỗi thủy tinh sọc và hạt cườm hình

động vật. Những vật phẩm này được chế tác ở nhiều địa điểm khác nhau: hạt chuỗi bằng sứ tráng men (faience) có thể có nguồn gốc từ Ai Cập hoặc Tây Á, đồ trang sức hình sư tử bằng đá mã não có thể có nguồn gốc từ Ấn Độ, và các hạt chuỗi vàng có thể có nguồn gốc từ Địa Trung Hải hoặc Nam Á, chúng được đến những cảng thị này qua mạng lưới thương mại hàng hải (Guangzhou Institute of Cultural Relics and Archeology, 2020).

Bằng chứng khảo cổ học về các tiếp xúc ban đầu giữa Ấn Độ và Đông Nam Á được chứng minh rõ ràng

nhất qua sự hiện diện của các loại hạt chuỗi thủy tinh, mã não hoặc mã não đỏ và các đồ trang sức (Glover và Henderson, 1995). Nhiều loại hạt chuỗi và đồ trang sức chất liệu này cũng được tìm thấy tại các địa điểm khảo cổ Đông Nam Á, chẳng hạn như ở Óc Eo - Ba Thê và được những người khai quật cho là có nguồn gốc từ Ấn Độ (Bùi Minh Trí và nnk, 2022). Đồ gốm Ấn Độ cũng được tìm thấy trong phạm vi rộng lớn, cho đến tận các đảo Java và Bali ở Indonesia, đặc biệt là đồ gốm Rouletted nổi tiếng nhờ cuộc khai quật của Wheeler tại Arikamedu (Ấn Độ) vào những năm 1940 (Wheeler *et al.*, 1946). Tại Bali, tìm thấy một số mảnh đồ gốm Ấn Độ trùng khớp về loại hình với các đồ gốm ở Arikamedu đã biết, đặc biệt là loại 10, 18 và 141, cũng như các loại đồ gốm Rouletted. Một mảnh gốm tìm thấy nơi đây có một đoạn ngắn bằng văn tự Kharosthi hoặc Brahmi (Ardika *et al.*, 1997; Ardika, 2016).

Các cuộc khai quật gần đây tại các di tích Sembiran và Pacung ở Indonesia đã xác nhận các bằng chứng của việc tiếp xúc văn hóa giữa cộng đồng bản địa với người Ấn Độ diễn ra từ khoảng năm 100 trước Công nguyên cho đến năm 100 Công nguyên qua di vật của con người cổ đại (Calo *et al.*, 2015). Theo phân tích di truyền học, một chiếc răng người tìm thấy tại di tích Sembiran ở Bali mang DNA ty thể (Mitochondrial DNA) của cư dân Ấn Độ đương thời (Lansing *et al.*, 2004). Các nghiên cứu khác cũng

cho thấy dòng gene của cư dân cổ Ấn Độ từng hòa trộn vào gene cư dân bản địa ở quần đảo Indonesia, điều này có thể diễn ra sớm hơn so với những bằng chứng di vật mà khảo cổ học có được (Kusuma *et al.*, 2016). Tại khu di tích mộ táng Vat Komnou ở Angkor Borei (Campuchia) qua kết quả phân tích di truyền học cũng ghi nhận khả năng từng diễn ra một đợt di cư với quy mô nhỏ của những cư dân gốc Nam Á vào Đông Nam Á từ khoảng thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ III (Changmai *et al.*, 2022).

Câu hỏi đặt ra là liệu mạng lưới thương mại hàng hải hình thành từ thời đồ sắt, sau đó phát triển mạnh mẽ trong các thế kỷ đầu Công nguyên, ở đồng bằng Nam Bộ Việt Nam có mang tính liên tục và kết nối qua các thời kỳ?

Trong một số bia ký phát hiện ở Nam Bộ và đặc biệt là bia ký tìm thấy tại di tích kiến trúc Linh Sơn Bắc (khu di tích Óc Eo - Ba Thê) được các nhà nghiên cứu cổ ngữ cho rằng trong nội dung có đề cập đến một địa danh “Tamandarapura” và phải chăng đó chính là tên gọi của đô thị cổ Óc Eo - Ba Thê thuở xưa (Kunthea *et al.*, 2023). Địa danh này theo Kunthea (2023) là một từ không có nghĩa trong tiếng Sankrit mà khả năng nó có nguồn gốc ngôn ngữ Nam Đảo, với ý nghĩa “khu vườn bằng phẳng”.

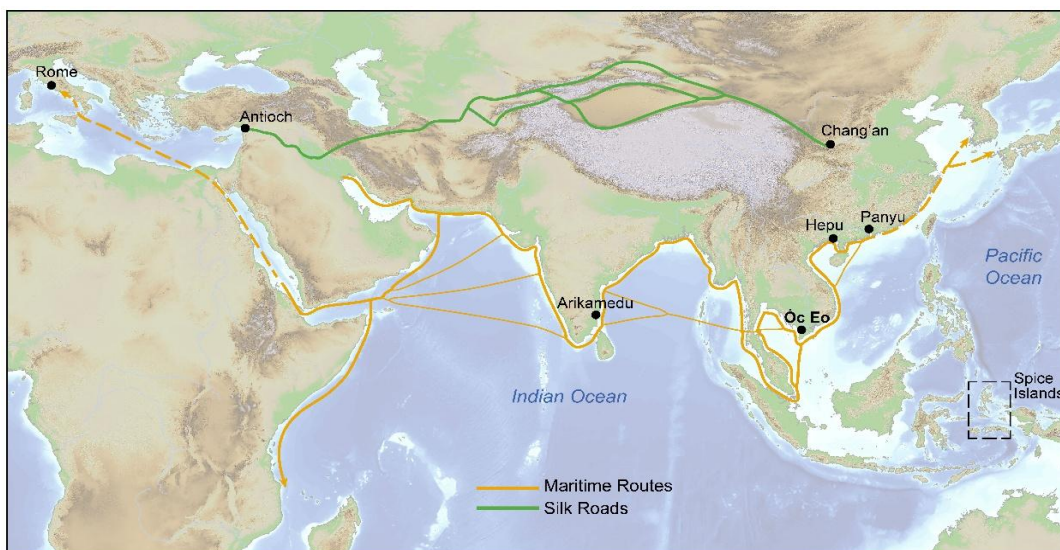
Ngoài ra, ở Lung Lớn trên cánh đồng Óc Eo, trong phạm vi của đô thị cổ cũng tìm thấy một hiện vật là chiếc răng cá mập có khoan lỗ để xỏ dây

cột, khả năng là vật đeo trang sức hay một phần trong chiếc dao biểu tượng quyền lực của cư dân Nam Đảo cũng được gợi ra (Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2024a). Qua phân tích vi tư liệu cho thấy trên các bàn nghiền bằng sa thạch (pesani) ở Óc Eo có sự xuất hiện của nhục đậu khấu và đinh hương, là các loại gia vị đặc trưng của quần đảo Moluccas (Wang *et al.*, 2023). Những tín hiệu trên cho thấy giữa Nam Bộ Việt Nam và khu vực Đông Nam Á hải đảo vào những thế kỷ đầu Công nguyên khả năng đã hình thành tuyến thương mại gia vị bên cạnh các loại mặt hàng khác. Từ đô thị cổ Óc Eo - Ba Thê, các loại gia vị này tiếp tục được buôn

bán với thương nhân phương xa để họ mang về bản quán.

Như vậy, có thể thấy rằng với truyền thống thành thạo nghề đi biển từ ngàn xưa cùng với không gian cư trú trải rộng ở nhiều khu vực, cư dân nói ngôn ngữ Nam Đảo đã là một trong những tác nhân quan trọng nhất cho việc hình thành các tuyến hải hành thương mại ngay từ thời đồ sắt ở Đông Nam Á. Từ nền tảng trên, sau hơn 500 năm vận hành, các tuyến thương mại hàng hải khu vực Đông Nam Á được mở rộng hơn và hòa nhập với hệ thống “thương mại toàn cầu” kết nối văn minh phương Đông - phương Tây đầu Công nguyên (Hình 9).

Hình 9. Phác họa các hải trình thương mại kết nối Đông - Tây vào đầu Công nguyên



Nguồn: Nhóm tác giả.

7. KẾT LUẬN

Qua những nghiên cứu và phát hiện khảo cổ học ở Đông Nam Á, chúng ta có được cái nhìn tổng quan về các mối liên hệ văn hóa - thương mại

giữa khu vực này và phần còn lại của thế giới, trong khung niên đại khoảng 2.500 đến 1.500 năm trước. Các phát hiện khảo cổ đã góp phần chứng minh rằng vào khoảng 500 năm trước

Công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã tham gia tích cực vào các mạng lưới thương mại hàng hải đường dài. Chính từ những mạng lưới này đã thúc đẩy việc trao đổi nhiều loại hàng hóa khác nhau giữa các khu vực, giữa các nền văn minh đương thời, liên châu lục trong các thế kỷ đầu Công nguyên.

Những phát hiện gần đây đã cho thấy tại khu vực ven biển Nam Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam (đặc biệt là không gian nằm giữa vịnh Cam Ranh và vịnh Gành Rái) với các khu mộ chum cùng nhiều hiện vật tùy táng có sự tương đồng rõ rệt với các di chỉ thời kỳ đồ sắt ở Philippines. Những hiện vật khảo cổ tương tự cũng đã được phát hiện tại đảo Thổ Chu (Kiên Giang) và khu vực bán đảo Thái - Mã Lai. Các nghiên cứu trước đây về mối quan hệ văn hóa thời kỳ đồ sắt giữa Việt Nam và Philippines chủ yếu quan tâm đến văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung Việt Nam (thường được gọi là “phức hệ văn hóa Sa Huỳnh - Kalanay”), thì hiện nay ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy không gian văn hóa thời đại đồ sắt ở miền Nam Việt Nam - hay giai đoạn phát triển đỉnh cao của văn hóa Đồng Nai - có mối liên hệ chặt chẽ hơn với văn hóa Kalanay ở Philipines.

Theo thời gian, mạng lưới giao dịch hàng hải đã phát triển mạnh mẽ hơn trước, các kết nối ban đầu giữa Đông Nam Á với Ấn Độ, Trung Quốc và Trung Đông, để chế La Mã được thiết

lập thông qua các giao dịch thương mại với các trạm trung chuyển, được ghi lại qua nghiên cứu khảo cổ học và thư tịch cổ. Các tuyến thương mại hàng hải đến Đông Nam Á cho thấy sự hiện diện của nhiều loại hàng hóa nguồn gốc từ La Mã, Ai Cập và Trung Á tại các trung tâm thương mại lớn thời bấy giờ như Óc Eo - Ba Thê (Việt Nam), Hợp Phố và Phiên Ngung (miền nam Trung Quốc).

Kết quả của các hoạt động thương mại hàng hải ở Đông Nam Á cũng tác động đến các kỹ thuật chế tác, nguồn nguyên liệu nhập khẩu và sự phát triển nền văn hóa bản địa ở nhiều nơi dựa trên sự tiếp biến văn hóa. Trong thời đại kim khí tại Đông Nam Á lục địa, việc phát triển kỹ thuật chế tác đồ đồng, đồ sắt và các nguyên liệu nhập khẩu khác đã góp phần thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của các xã hội và lan tỏa đến nơi hải đảo.

Thời kỳ này, không chỉ có các sản phẩm, hàng hóa có giá trị mà cả tri thức, kỹ thuật chế tác cũng được trao đổi qua nhiều tuyến đường và các chiều kích khác nhau. Mạng lưới thương mại toàn cầu cũng đã mang lại những trào lưu mới cho kỹ thuật chế tác, nghệ thuật, truyền thống ẩm thực, hệ thống kinh tế và đời sống xã hội của các cộng đồng cư dân cổ Đông Nam Á. Các tác nhân này đã góp phần định hình quỹ đạo phát triển của lịch sử - văn hóa và kinh tế cổ đại, từ đó là tiền đề quan trọng hình thành các nhà nước sớm ở Đông Nam Á vào đầu Công nguyên. □

CHÚ THÍCH

- (*) Bài viết này cập nhật và bổ sung tư liệu mới dựa trên một số nội dung cơ bản trong bài “Research Achievements about the Southeast Asian Maritime Trading Networks, 500 BC-AD 500”. International Conference: Establishing the Foundation for UNESCO World Heritage Registration - Major Achievements and Development Directions of Mahan History and Culture, pp. 204-227 của Hsiao-chun Hung và Nguyễn Khánh Trung Kiên năm 2023.
- (1) Khái niệm “phức hợp Sa Huỳnh - Kalanay” do W. Solheim đề xuất năm 1969.
- (2) Các hiện vật này chưa có điều kiện phân tích bằng phương pháp vật lý hạt nhân, chỉ được giám định qua kinh nghiệm nghiên cứu so sánh của TS. Hsiao-chun Hung với các hiện vật đồng dạng tại Đài Loan và Đông Nam Á.
- (3) Kết quả chương trình khai quật di tích Gò Đất Nại (huyện Đất Đỏ, Bà Rịa - Vũng Tàu) năm 2023 và Kim Long (huyện Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu) năm 2024 do TS. Nguyễn Khánh Trung Kiên làm chủ nhiệm và ThS. Lê Hoàng Phong là người chủ trì khai quật.
- (4) Kết quả chương trình khai quật di tích Dốc Chùa (Bình Dương) năm 2018 do TS. Nguyễn Khánh Trung Kiên làm chủ nhiệm và ThS. Lê Hoàng Phong là người chủ trì khai quật.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ambrose, W. 1988. *An Early Bronze Artefact from Papua New Guinea*. *Antiquity* 62 (236), pp. 483-491.
2. Andaya, L.Y. 1993. *The World of Moluccas: Eastern Indonesia in the Early Modern Period*. Honolulu: University of Hawaii Press.
3. Ardika, I.W. 2016. “Bali in the Global Contacts and the Rise of Complex Society”, In B. Prasetyo, T.S. Nastiti and T. Simanjuntak (eds). *Austronesian Diaspora: A New Perspective*. Yogyakarta: Gadjah Mada University Press, pp. 193-206.
4. Ardika, I.W., P. Bellwood, I.M. Sutaba & K.C. Yuliaty. 1997. “Sembiran and the First Indian Contacts with Bali: An Update”. *Antiquity* 71(271), pp. 193-195.
5. Bellwood, P. 2007. *Prehistory of the Indo-Malaysian Archipelago*. Canberra: ANU E-Press.
6. Bellwood, P. and Cameron, J. 2007. “Ancient Boats, Boat Timbers, and Locked Mortise-and-Tenon Joints from Bronze/Iron-Age Northern Vietnam”. *The International Journal of Nautical Archaeology* 36(1), pp. 2-20.
7. Bennett, A.T.N. 2009. “Gold in Early Southeast Asia”. *Archéo Sciences* 33, pp. 99-107.
8. Bernet Kempers, A.J. 1988. “The Kettledrums of Southeast Asia”. *Modern Quaternary Research in Southeast Asia* 10.
9. Booth, B. 1984. “A Handlist of Maritime Radiocarbon Dates”. *The International Journal of Nautical Archaeology* 13(3), pp. 189-204.
10. Brierley, J.H. 1994. *Spices: The Story of Indonesia's Spice Trade*. Kuala Lumpur: Oxford University Press.
11. Bùi Chí Hoàng. 2008. “The Phu Chanh site: Cultural Evolution and Interaction in the Later Prehistory of Southern Vietnam”. *Indo-Pacific Prehistory Association Bulletin* 28.

12. Bùi Chí Hoàng (chủ biên). 2017. *Khảo cổ học Nam Bộ thời tiền sử* – Tập 1. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
13. Bùi Chí Hoàng (chủ biên). 2018. *Khảo cổ học Nam Bộ thời sơ sử* – Tập 2. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
14. Bùi Minh Trí, Nguyễn Gia Đồi, Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2022. *Văn hóa Óc Eo những phát hiện mới khảo cổ học tại di tích Óc Eo Ba Thê, Nền Chùa 2017 - 2020*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
15. Calo, A. 2009. *The Distribution of Bronze Drums in Early Southeast Asia: Trade Routes and Cultural Spheres*. Oxford: BAR Publishing.
16. Calo, A. 2014. *Trails of Bronze Drums across Early Southeast Asia: Exchange Routes and Connected Cultural Spheres*. Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.
17. Calo, A., B. Prasetyo, P. Bellwood, J.W. Lankton et al. 2015. "Sembiran and Pacung on the North Coast of Bali: A Strategic Crossroads for Early Trans Asiatic Exchange". *Antiquity* 89(344), pp. 378-396.
18. Calo, A., P. Bellwood, J. Lankton, A. Reinecke et al. 2020. "Trans-Asiatic Exchange of Glass, Gold and Bronze: Analysis of Finds from the Late Prehistoric Pangkung Paruk Site, Bali". *Antiquity* 94(373), pp. 110-126.
19. Changmai, P., R. Pinhasi, M. Pietrusewsky, M.T. Stark, R.M. Ikehara-Quebral, D. Reich, and P. Flegontov. 2022. *Ancient DNA from Protohistoric Period Cambodia Indicates that South Asians Admixed with Local Populations as Early as 1st-3rd Centuries CE*. *Scientific Reports* 12: 22507.
20. Chhom Kunthea, Dominic Goodall & Arlo Griffith. 2023. "A Buddhist Procession Inaugurated in a Seventh-Century Inscription from Oc Eo (K.1426) and the Ancient Toponym Tamandarapura", trong *Văn hóa Óc Eo trong bối cảnh văn hóa Châu Á*. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế (Tài liệu lưu hành nội bộ). Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. An Giang tháng 11/2023.
21. Đặng Văn Thắng, Hà Thị Sương. 2017. "Phát hiện hai mũi thuyền Phù Nam ở khu di tích Gò Tháp (Đồng Tháp)", Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2016*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
22. De Bruyn, J.V. 1959. "New Archaeological Finds at Lake Setani". *Nieuw-Guinea Studien* 3, pp. 1-8.
23. Evans, I.H.N. 1927. "Notes on the Remains of an Old Boat from Pontian, Pahang". *Journal of the Federated Malay States Museums* 12(4), pp. 93-96.
24. Favereau, A. and Bellina, B. 2016. "Thai-Malay Peninsula and South China Sea Networks (500 BC-AD 200), Based on a Reappraisal of "Sa Huynh-Kalanay"-Related Ceramics". *Quaternary International* 416, pp. 219-227.
25. Fu, Xia. 2021. "Han Dynasty Bronze Mirrors Discovered in Southeast Asia". *Archaeology and Cultural Relics* 6, pp. 92-98.
26. Gede, I.D.K. 2009. *Budaya Penguburan Pra-Hindu, Pangkung Paruk, Kec. Seririt, Kabupaten Buleleng*. *Forum Arkeologi* II, pp. 112-130.
27. Glover, I.C. and Henderson, J. 1995. "Early Glass in South and South East Asia and China", In R. Scott and J. Guy (eds), *South East Asia and China: Art, Interaction, and Commerce*, pp. 141-170. London: University of London.

28. Guangzhou Institute of Cultural Relics and Archeology. 2020. *Research on Han Dynasty Bead Ornaments Unearthed in Guangzhou*. Beijing: Science Press.
29. Hung, H.C., K.D. Nguyen, P. Bellwood, & M.T. Carson. 2013. "Coastal Connectivity: Long-Term Trading Networks Across the South China Sea". *Journal of Island and Coastal Archaeology* 8(3), pp. 384-404.
30. Hung, Hsiao-chun, Yoshiyuki Iizuka, Peter Bellwood, Kim Dung Nguyen, Bérénice Bellina, Praon Silapanth, Eusebio Dizon, Rey Santiago, Ipoi Datan. 2007. *Ancient jades map 3000 years of prehistoric exchange in Southeast Asia*. Proceedings of the National Academy of Sciences of the United States of America 104 (50), pp. 19745-19750.
31. Imamura, K. 2012. "The Distribution of Bronze Drums of the Heger I and Pre-I types: Temporal Changes and Historical Background". *Bulletin of the Department of Archaeology*, University of Tokyo 24, pp. 29-44.
32. Institute of Archaeology in Shanxi. 2015. "An Ancient Boat Excavated from the Wei Bridge Site in Northern Chang'an City of Han". *Kaogu (Archaeology)* 9, pp. 3-6 (*in Chinese*).
33. Kusuma, P., M.P. Cox, N. Brucato, H. Sudoyo, T. Letellier, F.-X. Ricaut. 2016. "Western Eurasian Genetic Influences in the Indonesian Archipelago". *Quaternary International* 416, pp. 243-248.
34. Lansing, J.S., A.J. Redd, T.M. Karafet, J. Watkins, I.W. Ardika, S.P.K. Surata et al. 2004. "An Indian Trader in Ancient Bali?". *Antiquity* 78(300), pp. 287-293.
35. Malleret, L. 1959-1963. "L'archéologie du Delta du Mekong" (4 vols.). Paris: *École Française d'Extrême Orient*.
36. Manguin, P.-Y. 2012. "Asian Ship-Building Traditions in the Indian Ocean at the Dawn of European Expansion", In O. Prakash (ed.), *The Trading World of the Indian Ocean, 1500 - 1800*, pp. 597-629. Calcutta: Centre for Studies in Civilizations.
37. Manguin, P.-Y. 2019. Sewn Boats of Southeast Asia: The Stitched-Plank and Lashed-Lug Tradition. *The International Journal of Nautical Archaeology* 48(2): 400-415.
38. Manguin, P.-Y., & Indradjaja, A. 2011. "The Batujaya Site: New Evidence of Early Indian Influence in West Java", In P.-Y. Manguin, A. Mani & G. Wade (eds.), *Early Interactions between South and Southeast Asia*, pp. 113-136. Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.
39. Matsumura Hirofumi, Hung Hsiao-chun, Higham Charles, Zhang Chi, Yamagata Mariko, Nguyen Lan Cuong, Li Zhen, Fan Xue-chun, Simanjuntak Truman, Oktaviana Adhi Agus, He Jia-ning, Chen Chung-yu, Pan Chien-kuo, He Gang, Sun Guo-ping, Huang Wei-jin, Li Xin-wei, Wei Xing-tao, Domett Kate, Halcrow Sian, Nguyen Kim Dung, Trinh Hoang Hiep, Bui Chi Hoang, Nguyen Khanh Trung Kien, Reinecke Andreas. 2019. "Cranio-metrics Reveal "Two Layers" of Prehistoric Human Dispersal in Eastern Eurasia". *Scientific Reports* 9, pp. 1-12.
40. Miller, I. 1969. *The Spice Trade of the Roman Empire: 29 B.C. to A.D. 641*. Oxford: The Clarendon Press.
41. Miskic, J.N. 1991. *Old Javanese Gold*. Singapore: Ideation.

42. Newton, D. 1988. "Reflections in Bronze: Lapita and Dong Son Art in the Western Pacific", In J.B. Barbier & D. Newton (eds), *Island and Ancestors: Indigenous Styles of Southeast Asia*, pp. 10-12. Munich: Prestel.
43. Nguyễn Khánh Trung Kiên, Phạm Văn Triệu. 2022. "Góp phần nhận diện hoạt động thương mại hàng hải thời cổ đại qua nghiên cứu so sánh hiện vật khảo cổ tại di tích Lung Lớn". *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 10, tr. 73-82.
44. Nguyễn Khánh Trung Kiên, Yamagata Mariko, Kubo Sumiko. 2022. "Góp phần xác định niên đại khu di tích khảo cổ học Ốc Eo - Ba Thê qua các kết quả phân tích mới". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 6.
45. Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2020. "Kết quả nghiên cứu mới tại khu di tích Ốc Eo - Ba Thê (An Giang)". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 1(223), tr. 25-38.
46. Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2024a. "Góp phần xác định giá trị nổi bật toàn cầu khu di tích khảo cổ Ốc Eo - Ba Thê qua các phát hiện mới giai đoạn 2017 - 2020". *Tạp chí Khoa học xã hội TPHCM*, số e2 (315), tr. 93-116.
47. Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2024b. "Từ thực phẩm đến thương phẩm trong đời sống cư dân cổ nam bộ qua nghiên cứu khảo cổ học thực vật - động vật". *Tạp chí Khoa học xã hội TPHCM*, số e3 (318), tr. 82-95.
48. Nguyễn Kim Dung, Nguyễn Khánh Trung Kiên, Lê Hoàng Phong. 2020. "Từ hiện vật trang sức mới phát hiện góp thêm những nhận xét về hải thương quốc tế trong văn hóa Ốc Eo". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2(224), tr. 79-100.
49. Nitta, E. 2005. "Heger I Drums, Bronze Halberds and Ranked Societies in the Mekong Basin". *Bulletin of Indo-Pacific Prehistory Association* 25, pp. 125-128.
50. Oliveira, N.V., S. O'Connor, and P. Bellwood. 2019. "Dong Son Drums from Timor-Leste: Prehistoric Bronze Artefacts in Island Southeast Asia". *Antiquity* 93(367), pp. 163-180.
51. Prasetyo, Bagyo. 1994/1995. *Laporan Penelitian Situs Plawangan, Rembang, Jawa Tengah (1980-1993)*. Jakarta: Pusat Penelitian Arkeologi Nasional (tiếng Indonesia).
52. Spriggs, M. and Miller, D. 1988. "A Previously Unreported Bronze Kettledrum from the Kai Islands, Eastern Indonesia". *Bulletin of the Indo-Pacific Prehistory Association* 8, pp. 79-89.
53. Stark, M.T. 2015. "Inscribing Legitimacy and Building Power in the Mekong Delta", In G. Emberling, (ed.), *Counternarratives and Macrohistories: New Agendas in Archaeology and Ancient History*, pp. 75-105. Cambridge: Cambridge Univ. Press.
54. Swadling, P. 1996. *Plumes for Paradise: Trade Cycles in Outer Southeast Asia and Their Impact on New Guinea and Nearby Islands Until 1920*. Port Moresby: Robert Brown and Associates and the National Museum and Art Gallery.
55. Truong Dac Chien. 2020. "Giong Lon Site and Study of Oc Eo Culture's Formation on Vietnam's Southeastern Coast". *Vietnam Social Sciences*, No. 5 (199).
56. Wang, G.Z. 2001. *A Pictorial History of Ancient Chinese Boats*. Beijing: San Lian. (in Chinese).

57. Wang, W., K.T.K. Nguyen, C. Zhao, and H.C. Hung. 2023. "Earliest Curry in Southeast Asia and the Global Spice Trade 2000 Years Ago". *Science Advances* 9(5517). DOI:10.1126/sciadv.adh5517.
58. Wheeler, E.M., A. Ghosh & K. Deva. 1946. "Arikamedu: An Indo-Roman Trading Station on the East Coast of India". *Ancient India* 2, pp. 17-124.
59. Yamagata, Mariko, Bui Chi Hoang, Nguyen Kim Dung, Nguyen Khanh Trung Kien, Dang Ngoc Kinh, Tawara Kanji, Watanabe Shinya, Suzuki Tomomi, Myyama Emiri, Ishii Ayako. 2012. "The Excavation of Hoa Diem in Central Vietnam". *Institute of International Culture Bulletin*, Vol. 17. Tokyo: Showa Women's University.